

Số: 06 /2022/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 12 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư
trong một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 15 tháng 7 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính
phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực
giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-
CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5
năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt
động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Thông
tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12
năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chính
sách đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng
Nam giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 11 tháng 01
năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định của Chính phủ.
2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư quy định tại Điều 1.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách và nguyên tắc áp dụng

1. Điều kiện được hưởng chính sách
 - a) Dự án thuộc danh mục các loại hình khuyến khích và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008, số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013, số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016; có trong danh mục và phù hợp tiêu chí thu hút đầu tư xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - b) Dự án phải phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của địa phương; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; quyết định chấp thuận nhà đầu tư (hoặc quyết định kết quả lựa chọn nhà đầu tư) theo quy định.
 - c) Dự án thực hiện xã hội hóa phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, quy mô theo phương án đầu tư đã đăng ký; thực hiện dự án xã hội hóa đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Nguyên tắc áp dụng

Trong cùng một thời gian, địa bàn, loại hình, trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách khác nhau theo quy định của pháp luật và chính sách tại Nghị quyết này thì được lựa chọn mức ưu đãi cao nhất.

Điều 4. Nội dung các cơ chế, chính sách

1. Chính sách miễn tiền thuê đất
 - a) Miễn 100% tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đất thực hiện dự án (tối đa 50 năm) đối với tất cả các dự án thuộc các lĩnh vực xã hội hóa theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.
 - b) Các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn các thành phố: Tam Kỳ, Hội An và thị xã Điện Bàn được miễn tiền thuê đất theo các mức tương ứng: miễn tối đa 50 năm, 25 năm, 20 năm, 15 năm tiền thuê đất của dự án tùy vào loại hình ưu tiên thu hút trong giai đoạn 2022-2025.

(chi tiết các Phụ lục II, III, IV, V kèm theo)

- c) Trong mỗi dự án chỉ miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất sử dụng đúng mục đích xã hội hóa, phần diện tích đất sử dụng không đúng mục đích xã hội hóa không được miễn.

2. Chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án thực hiện xã hội hóa như sau:

a) Ngân sách tỉnh bố trí 100% kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh, được quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, gồm các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn, Núi Thành (gồm các xã: Tam Sơn, Tam Thạnh, Tam Mỹ Đông, Tam Mỹ Tây, Tam Trà, Tam Hải), Thăng Bình (gồm các xã: Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Quý, Bình Phú, Bình Chánh, Bình Quế) và xã đảo Tân Hiệp, thành phố Hội An.

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%, nhà đầu tư đóng góp 50% kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn của tỉnh, được quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, gồm các huyện: Đại Lộc, Quế Sơn, Phú Ninh, Duy Xuyên (gồm các xã: Duy Châu, Duy Hòa, Duy Phú, Duy Sơn, Duy Tân, Duy Thu, Duy Trinh, Duy Trung), Núi Thành (gồm các xã: Tam Xuân I, Tam Xuân II, Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam), Thăng Bình (gồm các xã: Bình Nguyên, Bình Tú, Bình An, Bình Trung).

Trường hợp dự án xã hội hóa nằm trên địa bàn liên huyện/xã thì ngân sách tỉnh hỗ trợ theo diện tích/kinh phí phát sinh trên địa bàn của từng địa phương trong dự án.

c) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: Ngân sách tỉnh không hỗ trợ kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

d) Phần diện tích đất được sử dụng đúng mục đích xã hội hóa được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; phần diện tích đất sử dụng không liên quan đến lĩnh vực xã hội hóa không được hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Chính sách về cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa theo quy định pháp luật về xã hội hóa.

b) Giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa và mức ưu đãi đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa:

Khung giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa bao gồm giá thuê tối thiểu và giá thuê tối đa được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chủ dự án thực hiện xã hội hóa được áp dụng giá cho thuê ưu đãi bằng giá thuê tối thiểu theo quy định (trong trường hợp không đấu giá cho thuê tài sản); trường hợp thực hiện đấu giá cho thuê tài sản, giá khởi điểm đấu giá được xác định

bằng giá thuê tối thiểu theo quy định. Thời gian hưởng ưu đãi chỉ áp dụng trong 50% thời gian đầu của hợp đồng thuê và không quá 10 năm.

4. Chính sách ưu đãi về tín dụng

Cơ sở thực hiện xã hội hóa, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa được vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước; được xem xét trong danh mục ưu tiên vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam (dự án phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam, phù hợp với danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025).

5. Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác

Các quy định về chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí, hỗ trợ đầu tư khác đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa có liên quan không đề cập tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các văn bản Luật, quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của tỉnh Quảng Nam.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này; quy định, hướng dẫn cụ thể các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

b) Đối với lĩnh vực giám định tư pháp và các lĩnh vực khác (trung tâm khởi nghiệp - sáng tạo, tái chế các sản phẩm từ rác...) chưa được Chính phủ quy định chi tiết về danh mục, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp tục theo dõi việc ban hành quy định của Trung ương để kịp thời cập nhật, bổ sung; hoặc có văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan của Trung ương để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Chỉ đạo các sở, ngành và địa phương chủ động, phối hợp xây dựng các kế hoạch, đề án cụ thể, xác định danh mục dự án cần ưu tiên xã hội hóa trên từng lĩnh vực phù hợp với mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương nhằm phát huy hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí nguồn lực đầu tư.

Chủ động rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất trong xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm để thu hút các dự án đầu tư xã hội hóa. Trong đó, không quy hoạch, sử dụng đất tại địa bàn các xã ven biển của tỉnh để triển khai chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa. Trường hợp thật sự cần thiết báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Chỉ đạo các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh triển khai dự án đảm bảo đúng yêu cầu về tiến độ và nội dung đăng ký đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Trường hợp các cơ sở thực hiện xã hội hóa không triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ thì thực hiện các thủ tục xử lý, thu hồi dự án theo đúng quy định của

pháp luật hiện hành.

đ) Tổng hợp dự toán ngân sách hàng năm dành cho ưu đãi đầu tư trong các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, quyết định phân bổ, đảm bảo cân đối nguồn lực theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

e) Tăng cường quản lý, sử dụng đất đai với các dự án xã hội hóa đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các nhà đầu tư thực hiện dự án không đúng cam kết theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp phát hiện các cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì kịp thời, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi, truy thu nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Đồng thời, nghiêm cấm việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái phép khi thực hiện dự án xã hội hóa. Kiểm soát giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ theo đúng quy định pháp luật do các cơ sở thực hiện xã hội hóa cung cấp, nhằm cung cấp dịch vụ cho người dân đảm bảo chất lượng tốt, hiệu quả, an toàn.

f) Trong quá trình thực hiện trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khoá X, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Phan Việt Cường

Phụ lục I

TỔNG HỢP DANH MỤC LOẠI HÌNH CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT XÃ HỘI HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I		GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	
		Giáo dục mầm non, phổ thông	
1		Trường mầm non	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
2		Trường tiểu học	
3		Trường trung học cơ sở	
4		Trường trung học phổ thông	
5		Trường phổ thông có nhiều cấp học	Quy định tại Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
		Đào tạo nghề nghiệp (giáo dục đại học)¹	
6		Trường đại học	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
		Cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo	
7		Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
8		Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên	
9		Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và giáo dục phổ thông)	

¹ Theo Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ xác định lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có 03 loại hình: Trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng và trường đại học; tuy nhiên hiện nay, loại hình trường trung cấp và trường cao đẳng được quy định thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (dạy nghề), hoạt động theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; các trường đại học hoạt động theo Luật Giáo dục đại học.

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
10		Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực	
11		Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo	
12		Cơ sở sản xuất trang thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em	
13		Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Quy định tại Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
II	DẠY NGHỀ (GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP)²		
1		Cao đẳng nghề (Trường cao đẳng)	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Trung cấp nghề (Trường trung cấp)	
3		Trung tâm dạy nghề (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp)	
III	Y TẾ		
	Cơ sở khám, chữa bệnh		
1		Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng	
1.1		Bệnh viện đa khoa	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
1.2		Bệnh viện chuyên khoa	
1.3		Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016

² Cập nhật tên gọi lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: trường cao đẳng; trường trung cấp và Trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo đúng quy định theo cả pháp luật xã hội hóa và pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
2		Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình; Phòng khám sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
3		Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế	
4		Phòng khám (Chỉ ưu đãi đối với địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn)	
4.1		Phòng khám chuyên khoa; phòng chẩn trị y học cổ truyền	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
4.2		Phòng khám đa khoa	
4.3		Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình	
Các cơ sở y tế dự phòng			
5		Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
6		Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ đo kiểm tra môi trường lao động, cơ sở cung cấp dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường y tế; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
7		Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; Xét nghiệm phát hiện HIV; Xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; Tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	
Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm			
8		Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
9		Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng	

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
		và tương đương sinh học	
IV	VĂN HÓA		
	Di sản văn hóa		
1		Bảo tàng ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
3		Cơ sở trình diễn/diễn xướng dân gian	
4		Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
5		Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa	
	Điện ảnh		
6		Cơ sở sản xuất phim	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
7		Cơ sở dịch vụ sản xuất phim	
8		Cơ sở xuất khẩu phim	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
9		Cơ sở chiếu phim và video	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Nghệ thuật biểu diễn		
10		Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Văn hóa cơ sở		
11		Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
12		Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	
13		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn	

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
14		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	
Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm			
15		Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
16		Vườn tượng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
17		Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật	
18		Bảo tàng nhiếp ảnh ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
Thư viện			
19		Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
V	THỂ THAO		
1		Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Sân thể thao, bao gồm; sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyên, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao	
3		Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vầy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước	
4		Nhà tập luyện thể thao	
5		Liên đoàn, hiệp hội thể thao	
6		Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	
7		Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao	
8		Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao	

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
VI	MÔI TRƯỜNG		
1		Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Cơ sở xử lý rác thải	
3		Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)	
4		Cơ sở xử lý chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)	
5		Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	
6		Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán	
7		Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	
8		Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng, sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường	
9		Cơ sở hỏa táng, điện táng	
10		Cơ sở cung cấp nước sạch	
11		Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường	
12		Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường	
13		Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải	
14		Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường	
15		Cơ sở khắc phục sự cố môi trường	
16		Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ	

*Riêng yêu cầu về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giám định tư pháp thực hiện theo quy định khi Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn.

Phụ lục II

LOẠI HÌNH CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TAM KỲ, THÀNH PHỐ HỘI AN, THỊ XÃ ĐIỆN BÀN ĐƯỢC MIỄN TOÀN BỘ TIỀN THUÊ ĐẤT CHO CẢ THỜI GIẠN THUÊ

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. THÀNH PHỐ TAM KỲ

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	Y TẾ		
	Cơ sở khám, chữa bệnh		
1		Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội.	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
II	MÔI TRƯỜNG		
1		Cơ sở hỏa táng, điện táng	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ	
III	VĂN HÓA		
	Di sản văn hóa		
1		Cơ sở trình diễn/điển xướng dân gian	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Nghệ thuật biểu diễn		
2		Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Văn hóa cơ sở		
3		Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
IV	Y TẾ		
1	Cơ sở khám, chữa bệnh		
		Bệnh viện chuyên khoa	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013

2. THÀNH PHỐ HỘI AN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	Y TẾ		
1		Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
II	VĂN HÓA		
	Di sản văn hóa		
1		Cơ sở trình diễn/điển xướng dân gian	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
	Điện ảnh		
3		Cơ sở chiếu phim và video	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
	Nghệ thuật biểu diễn		
4		Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
III	MÔI TRƯỜNG		
1		Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013

3. THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	Y TẾ		
	Cơ sở khám, chữa bệnh		
1		Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội.	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
II	VĂN HÓA		
	Di sản văn hóa		
1		Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
III	MÔI TRƯỜNG		
1		Cơ sở hỏa táng, điện táng	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ	

Phụ lục III

**LOẠI HÌNH CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TAM KỲ, THÀNH PHỐ HỘI AN,
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN ĐƯỢC MIỄN TIỀN THUÊ ĐẤT 25 NĂM**
(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. THÀNH PHỐ TAM KỲ

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	THỂ THAO		
1		Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Bể bơi chất lượng cao, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước	
3		Nhà tập luyện thể thao	
4		Liên đoàn, hiệp hội thể thao	
5		Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	
6		Khu liên hợp thể thao	

2. THÀNH PHỐ HỘI AN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	VĂN HÓA		
	Di sản văn hóa		
1		Bảo tàng ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Văn hóa cơ sở		
3		Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
4		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động tại địa bàn khu vực thành phố	

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm			
5		Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
6		Vườn tượng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
7		Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật	
8		Bảo tàng nhiếp ảnh ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
Thư viện			
9		Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
II	THỂ THAO		
1		Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vầy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
III	MÔI TRƯỜNG		
1		Cơ sở xử lý rác thải	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	
3		Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng, sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường	

3. THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	VĂN HÓA		
	Di sản văn hóa		
1		Cơ sở trình diễn/điển xướng dân gian	Quy định tại Quyết

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
			định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Nghệ thuật biểu diễn		
2		Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Văn hóa cơ sở		
3		Khu văn hóa đa năng ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
II	MÔI TRƯỜNG		
1		Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Cơ sở xử lý rác thải	
3		Cơ sở khắc phục sự cố môi trường	

Phụ lục IV

LOẠI HÌNH CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TAM KỲ, THÀNH PHỐ HỘI AN, THỊ XÃ ĐIỆN BÀN ĐƯỢC MIỄN TIỀN THUÊ ĐẤT 20 NĂM

(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. THÀNH PHỐ TAM KỲ

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		
	Giáo dục mầm non, phổ thông		
1		Trường tiểu học	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
2		Trường trung học cơ sở	
3		Trường trung học phổ thông	
4		Trường phổ thông có nhiều cấp học	
II	VĂN HÓA		
	Di sản văn hóa		
1		Bảo tàng ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
3		Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
4		Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa	
	Thư viện		
5		Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
			ngày 10/10/2008
III	THỂ THAO		
1		Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
V	MÔI TRƯỜNG		
1		Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013

2. THÀNH PHỐ HỘI AN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	THỂ THAO		
1		Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Nhà tập luyện thể thao	

3. THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		
	Giáo dục mầm non, phổ thông		
1		Trường tiểu học	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
2		Trường trung học cơ sở	
3		Trường trung học phổ thông	
4		Trường phổ thông có nhiều cấp học	

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
Cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo			
5		Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Quy định tại Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
II	Y TẾ		
Cơ sở khám, chữa bệnh			
1		Bệnh viện chuyên khoa	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
III	VĂN HÓA		
Di sản văn hóa			
1		Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
2		Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa	
Thư viện			
3		Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
IV	THỂ THAO		
1		Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao	

Phụ lục V

**LOẠI HÌNH CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ TAM KỲ, THÀNH PHỐ HỘI AN, THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
ĐƯỢC MIỄN TIỀN THUÊ ĐẤT 15 NĂM**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

1. THÀNH PHỐ TAM KỲ

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		
	Giáo dục mầm non, phổ thông		
1		Trường mầm non	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
	Giáo dục Đại học		
2		Trường đại học	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
	Cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo		
3		Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Quy định tại Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
II	ĐẠY NGHỀ (GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP)		
1		Cao đẳng nghề (Trường cao đẳng)	Không bao gồm đào tạo nghề lái xe; Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Trung cấp nghề (Trường trung cấp)	
3		Trung tâm dạy nghề (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp)	
III	Y TẾ		
	Cơ sở khám, chữa bệnh		

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
1		Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
Các cơ sở y tế dự phòng			
2		Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
3		Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ đo kiểm tra môi trường lao động, cơ sở cung cấp dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường y tế; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
4		Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; Xét nghiệm phát hiện HIV; Xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; Tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	
IV	VĂN HÓA		
	Văn hóa cơ sở		
1		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm			
4		Bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
5		Vườn tượng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
6		Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật	
7		Bảo tàng nhiếp ảnh ngoài công lập	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
			ngày 06/5/2013
V	THỂ THAO		
1		Sân thể thao, bao gồm; sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008

2. THÀNH PHỐ HỘI AN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		
	Giáo dục mầm non, phổ thông		
1		Trường tiểu học	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
2		Trường trung học cơ sở	
3		Trường trung học phổ thông	
4		Trường phổ thông có nhiều cấp học	Quy định tại Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016
II	Y TẾ		
	Cơ sở khám, chữa bệnh		
1		Bệnh viện chuyên khoa	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
III	THỂ THAO		
1		Sân thể thao, bao gồm; sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008

3. THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
I	DẠY NGHỀ (GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP)		
1		Cao đẳng nghề (Trường cao đẳng)	Không bao gồm đào tạo nghề lái xe; Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Trung cấp nghề (Trường trung cấp)	
3		Trung tâm dạy nghề (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp)	
II	Y TẾ		
	Cơ sở khám, chữa bệnh		
1		Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013
	Các cơ sở y tế dự phòng		
2		Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm		
3		Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
4		Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học	
III	VĂN HÓA		
	Điện ảnh		
1		Cơ sở chiếu phim và video	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
	Văn hóa cơ sở		
2		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Quy định tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013

STT	Lĩnh vực	Loại hình dự án	Ghi chú
III	THỂ THAO		
1		Sân thể thao, bao gồm; sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao	Quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008
2		Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước	
3		Nhà tập luyện thể thao	
4		Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	